

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 08/4/2025

v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh, là Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2024/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07A/2024/QĐXXST-DS ngày 07/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS ngày 07/3/2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 235/TB-TA ngày 13/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ; Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chuyên viên

xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: A B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (ông N có mặt).

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Mỹ D1 - sinh năm 1983; địa chỉ: tổ D phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (bà D1 vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ngày 29/6/2022, bà Bùi Thị Mỹ D1 có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm) số HĐTD: 20226700921. Số GNN: LD 2218000280. Căn cứ vào thu nhập của bà D1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) với mục đích: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất 8,5%/năm; Các kỳ trả vốn lãi vào ngày 30 hàng tháng; thời điểm phát sinh quá hạn: 30/7/2024. Tính đến ngày 08/4/2025 Bà D1 còn phải trả cho Ngân hàng với số tiền Nợ gốc 119.984.000 đồng, lãi trong hạn: 13.838.935 đồng lãi quá hạn 1.518.935 đồng và lãi chậm trả 467.147 đồng. tổng số tiền bà D1 phải trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi là 135.808.739 đồng

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà D1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về thời gian để bà D1 trả nợ, tuy nhiên bà D1 vẫn không thực hiện, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Bùi Thị Mỹ D1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 135.808.739 đồng, trong đó dư nợ gốc : 119.984.000 đồng, lãi trong hạn: 13.838.935 đồng lãi quá hạn 1.518.935 đồng và lãi chậm trả 467.147 đồng (nợ lãi tính đến ngày 08/4/2025) và bà D1 phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 09/4/2025 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Bà Bùi Thị Mỹ D1 không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS về thời hạn gửi thông báo thụ lý vụ án dân sự cho bị đơn, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

* Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2024 thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn bà Bùi Thị Mỹ D1 trả số tiền nợ vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/6/2022 với mục đích vay là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ D phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP S và bà Bùi Thị Mỹ D1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Mỹ D1.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ (cho vay tiêu dùng không áp dụng biện pháp bảo đảm) HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 29/6/2022, giữa bà D1 và Ngân hàng TMCP S có ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cho bà D1 vay với số tiền là 200.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 13, 14 và 15 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà D1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 135.808.739 đồng, trong đó dư nợ gốc: 119.984.000 đồng, lãi trong hạn: 13.838.656 đồng; lãi quá hạn: 1.518.835 đồng; lãi chậm trả lãi: 467.147 đồng (nợ lãi tính đến ngày 08/4/2025) và bà D1 phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 09/4/2025 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. HĐXX xét thấy: Từ ngày được cấp hạn mức tín dụng, bà Bùi Thị Mỹ D1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và để nợ quá hạn nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ và làm việc để tạo điều kiện trả nợ nhưng bà Bùi Thị Mỹ D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Như vậy, bà D1 đã vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà D1 là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ ngày 29/6/2022; Bản điều khoản của Ngân hàng cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 nên HĐXX chấp nhận.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị Mỹ D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 135.808.739$ đồng = 6.790.436 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 13, 14, 15 và 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản T và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bà Bùi Thị Mỹ D1.

2. Buộc bà Bùi Thị Mỹ D1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 135.808.739 đồng, trong đó dư nợ gốc: 119.984.000 đồng, lãi trong hạn: 13.838.656 đồng; lãi quá hạn: 1.518.835 đồng; lãi chậm trả lãi: 467.147 đồng (nợ lãi tính đến ngày 08/4/2025).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mỹ D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.790.436 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 3.095.544 đ (ba triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm bốn mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0001893 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Nhó